

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/ DS - ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thịnh và ông Phạm Ngọc Huân

-Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Quỳnh , là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C Việt Nam; Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Giá Mã T chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nông Mạnh H, sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị Th, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/07/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn cho ông Nông Mạnh H vay với tổng số tiền 38.000.000^d (Ba mươi tám triệu đồng) theo Sổ vay vốn có Mã khách hàng: 1021020947, người đứng tên vay là ông Nông Mạnh H, người thừa kế bà Phùng Thị Th. Gồm 02 (Hai) món vay cụ thể như sau:

Món vay 1: Ngày 21/02/2014 ông Nông Mạnh H vay số tiền 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) theo mã món vay là 6600000700457435; chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; thời hạn cho vay 60 (Sáu mươi) tháng; lãi suất 0,8%/tháng; hạn trả nợ cuối cùng: 09/02/2019.

Món vay 2: Ngày 23/6/2014 ông Nông Mạnh H vay số tiền 8.000.000^d (Tám triệu đồng) theo mã món vay là 6600000701772395; chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; thời hạn vay 60 (Sáu mươi) tháng; lãi suất 0,8%/tháng; hạn trả nợ cuối cùng: 09/6/2019.

Trong quá trình sử dụng vốn vay ông Nông Mạnh H thường xuyên không chấp hành quy ước hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn, không chấp hành đúng quy định cho vay của Ngân hàng C như không tham gia gửi tiền tiết kiệm theo quy ước của tổ, hàng tháng không trả lãi theo quy định.

Đến hạn trả nợ cuối cùng, ông Nông Mạnh H chỉ trả được 1.000.000^d (Một triệu đồng) tiền nợ gốc của món vay 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng). Ngoài ra ông H không chấp hành việc trả nợ cho Ngân hàng theo đúng quy định. Do vậy các món vay của ông H đã bị Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn yêu cầu ông Nông Mạnh H phải trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền gốc đã vay và tiền lãi trong đó có lãi trong hạn và lãi quá hạn. Cụ thể:

Món vay 1: Dư nợ gốc 29.000.000^d (Hai mươi chín triệu đồng) và lãi phát sinh tính đến ngày 27/7/2020 với số tiền là 10.590.353^d (Mười triệu năm trăm chín mươi nghìn ba trăm năm mươi ba đồng).

Món vay 2: Dư nợ gốc 8.000.000^d (Tám triệu đồng) và lãi phát sinh tính đến ngày 27/7/2020 là 2.262.032^d (Hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

Tổng cộng ông Nông Mạnh H và bà Phùng Thị Th phải trả cả gốc và lãi của 02 (Hai) món vay tính đến ngày 27/7/2020 với tổng số tiền là 49.852.385^d (Bốn mươi chín triệu tám trăm năm mươi hai nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng).

Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính theo thỏa thuận tại 02 hợp đồng khế ước đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn – ông Nông Mạnh H tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nông Mạnh H trình bày:

Ngày 21/02/2014 ông H có vay Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn cho ông Nông Mạnh H vay với tổng số tiền 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng). Người đứng tên vay là ông H, người thừa kế khoản vay là vợ (Phùng Thị Th) chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, lãi suất 0,8%/ tháng; thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/02/2019.

Ngày 23/6/2014 ông H có vay Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn cho ông Nông Mạnh H vay với tổng số tiền 8.000.000^d (tám triệu đồng). người đứng tên vay là ông H, người thừa kế khoản vay là vợ (Phùng Thị Th) chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 0,8%/ tháng; thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/6/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng do hoàn cảnh khó khăn nên chỉ trả được 1.000.000,đ của khoản vay 30.000.000,đ còn lại chưa trả được. Nguyên nhân ông H chưa trả được nợ là do gia đình có 01 rùng mỡ đã đến thời điểm khai thác cây để bán nhưng do hiện rừng mỡ bị quy hoạch vào rừng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên K, không được khai thác cây do vậy, ông H không có tiền để trả. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H trả nợ ông H nhất trí nhưng khi nào có tiền ông H mới trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Th: Nhất trí với ý kiến của chồng là anh H và có giấy ủy quyền cho ông Nông Mạnh H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn , bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng (cho vay) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng giữa hai bên được giao kết và thực hiện tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N và là nơi cư

trú của bị đơn. Do đó, theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Nội dung khởi kiện:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo mã món vay là 6600000700457435 ngày 21 tháng 02 năm 2014 ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N xác định ông Nông Mạnh H có vay của Ngân hàng C xã hội huyện Na Rì số tiền là 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng). Người đứng tên vay là ông H, người thừa kế khoản vay là vợ (Phùng Thị Th) chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, lãi suất 0,8%/tháng; thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/02/2019.

Theo mã món vay là 6600000701772395 ngày 23/6/2014 ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N xác định ông Nông Mạnh H có vay của Ngân hàng C xã hội huyện Na Rì số tiền là 8.000.000^d (Tám triệu đồng). người đứng tên vay là ông H, người thừa kế khoản vay là vợ (Phùng Thị Th) chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 0,8%/ tháng; thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/6/2019.

Xét 02 hợp đồng kế ước trên thấy: Hợp đồng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay, hạn cuối cùng phải trả nợ; Việc ký kết 02 hợp đồng giữa Ngân hàng C xã hội huyện với ông Nông Mạnh H, bà Phùng Thị Th đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Tại đơn khởi kiện phía Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi của 02 (Hai) món vay tính đến ngày 27/7/2020 với tổng số tiền là 49.852.385^d (Bốn mươi chín triệu tám trăm năm mươi hai nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng). Tại phiên tòa phía Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Nông Mạnh H phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử tổng số tiền là 50.164.786,đ trong đó gốc là 37.000.000, đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 08/9/2020) là 13.164.786, đ, cụ thể:

+ Nợ gốc theo mã món vay 30.000.000,đ là 29.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.342.356, đồng và lãi quá hạn là 5.496.670, đồng

+ Nợ gốc theo mã món vay là 6600000701772395 ngày 23/6/2014 món vay 8.000.000,đ là 8.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.088.444, đồng và lãi quá hạn là 1.237.316, đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền vay gốc 1.000.000,đ (một triệu đồng), ngoài ra không thanh toán thêm được bất kỳ khoản tiền nào. Như vậy ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Như vậy; Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông H đều thừa nhận

ông là người thực hiện thủ tục xin vay vốn, là người đứng tên trên hợp đồng vay. Trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, sổ vay vốn thể hiện người vay là Nông Mạnh H, người thừa kế là Phùng Thị Th. Thời điểm vay vốn năm 2014, ông H là chủ hộ gia đình .

Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

.....”

- Về nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị Th trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy số tiền vay sử dụng vào mục đích nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình (khai phá ruộng)

Điều 25 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

“Vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình.”

Do đó, bà Phùng Thị Th phải có trách nhiệm liên đới với ông Nông Mạnh H trả nợ gốc và nợ lãi mà ông H còn nợ với Ngân hàng C xã hội.

[3] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính tiền lãi chậm trả.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Nông Mạnh H có đơn xin miễn án phí và là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 25 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Án lệ số 08/2016/AL.

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C xã hội Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nông Mạnh H

Buộc ông Nông Mạnh H phải trả cho Ngân hàng Cxã hội Việt Nam (qua phòng giao dịch Ngân hàng Cxã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn) số tiền còn nợ phát sinh từ 02 hợp đồng là 50.164.786,đ (năm mươi triệu một trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng) trong đó gốc là 37.000.000, đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (08/9/2020) là 13.164.786, đ, cụ thể:

- Theo mã món vay 6600000700457435 ngày 21 tháng 02 năm 2014 là 29.000.000 đồng tiền gốc, nợ lãi trong hạn 5.342.356, đồng và lãi quá hạn là 5.496.670, đồng

- Theo mã món vay 6600000701772395 ngày 23/6/2014 là 8.000.000 đồng tiền gốc, nợ lãi trong hạn 1.088.444, đồng và lãi quá hạn là 1.237.316, đồng.

Buộc bà Phùng Thị Th có trách nhiệm liên đới cùng ông Nông Mạnh H trả số tiền nợ gốc và nợ lãi trên cho Ngân hàng Cxã hội Việt Nam (qua phòng giao dịch Ngân hàng C xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn).

Về nghĩa vụ chậm trả: *“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.*

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nông Mạnh H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND H.N;
- TAND T. Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- THADS H.N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Thị Luân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

